

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TPT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TPT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TPT LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TPT LOGISTICS., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110044497

3. Ngày thành lập: 28/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

A207-BT2B, khu nhà ở để bán Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 73025688

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, Chống ẩm các toà nhà, Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái các công trình nhà để ở, Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo.	4390

5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4530
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm)	4610
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
12.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
13.	Bán buôn thực phẩm	4632
14.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát	4633
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim	4663

19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép.	4669
20.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Chi tiết: - Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp; - Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch,...); - Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp; - Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng; - Hoạt động quản lý lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng; - Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển,...); - Vận chuyển gỗ và lâm sản khai thác đến cửa rừng; - Hoạt động sơ chế gỗ trong rừng; - Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động thực vật rừng.	0240
21.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá	8299
23.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
24.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
25.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
26.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản (Không bao gồm hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
27.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020

28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động đo đạc và bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thi công xây dựng công trình; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	7110
29.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
30.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
31.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyên gia công nghệ	7490
32.	Cho thuê xe có động cơ	7710
33.	Bán buôn tổng hợp	4690
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: - Khai thác đá; - Khai thác cát, sỏi; - Khai thác đất sét	0810
38.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
39.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
40.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
41.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
42.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
43.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
44.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất bê tông nhựa; (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	2399
45.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
46.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
47.	Đúc sắt, thép	2431
48.	Đúc kim loại màu	2432

49.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
50.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
51.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
52.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
53.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
54.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy làm bột giấy; - Sản xuất máy làm giấy và giấy bìa; - Sản xuất máy làm cao su mềm - Sản xuất máy in và máy đóng sách và máy cho hoạt động hỗ trợ in, bao gồm máy cho in dệt và các nguyên liệu khác; - Sản xuất máy sản xuất chất bán dẫn; - Sản xuất máy và thiết bị biến đổi khác nhau như: - Sản xuất thiết bị liên kết và cân bằng lốp xe; thiết bị cân bằng khác; - Sản xuất hệ thống bôi trơn trung tâm; - Sản xuất giường thuộc da; - Sản xuất thiết bị phát bóng tự động (ví dụ thiết bị đặt pin);	2829
55.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
56.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
57.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
58.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
59.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
60.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
61.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
62.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
63.	Vận tải đường ống	4940
64.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
65.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
69.	Bốc xếp hàng hóa	5224
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics	5229
72.	Bưu chính	5310
73.	Chuyển phát	5320
74.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
75.	Cơ sở lưu trú khác	5590
76.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
77.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
78.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
79.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ quầy bar)	5630
80.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
81.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
82.	Đại lý du lịch	7911
83.	Điều hành tua du lịch	7912
84.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
85.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010
86.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
87.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
88.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
89.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
90.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
91.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
92.	Sản xuất điện	3511
93.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
94.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
95.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
96.	Thu gom rác thải độc hại	3812
97.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
98.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
99.	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại Tái chế phế liệu phi kim loại	3830
100.	Xây dựng nhà ở	4101

101.	Xây dựng nhà không để ở	4102
102.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
103.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
104.	Xây dựng công trình điện	4221
105.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
106.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
107.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
108.	Xây dựng công trình thủy	4291
109.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
110.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
111.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
112.	Phá dỡ	4311
113.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
114.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
115.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. Vốn điều lệ: 39.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN MINH VIỆT TOÀN CẦU	A208-BT2B, khu nhà ở để bán Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Tứ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.326.0 00	13.260.000.000	34,000	0105412258	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.326.0 00	13.260.000.000	34,000		
2	LÊ QUANG THẮNG	316 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.287.0 00	12.870.000.000	33,000	0010730128 88	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.287.0 00	12.870.000.000	33,000		

3	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	10 ngõ 8 Hà Trì 5, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.287.0 00	12.870.000.000	33,000	0010770284 50
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.287.0 00	12.870.000.000	33,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN THANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/04/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036081000098

Ngày cấp: 29/11/2013

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 34 ngõ 429 Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 34 ngõ 429 Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội